

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN - TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Hoàng Thị N - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Anh Nguyễn Tuấn A - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tuấn A đều trình bày: Anh, chị làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 01/11/2005 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh chị không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc, hiện tại anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tuấn A được chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tuấn A đều xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nam Q - Sinh ngày: 17/5/2007 và cháu Nguyễn Hoàng Hải N – Sinh ngày: 05/02/2012, hiện tại hai cháu phát triển bình thường. Anh Tuấn A và chị N thỏa thuận để chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Q và cháu N mỗi cháu là 2.500.000đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Tuấn A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về lệ phí: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tuấn A thỏa thuận để chị Hoàng Thị N chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tuấn A. Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Tuấn A được chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Chị Hoàng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hoàng Nam Q - sinh ngày 17/5/2007 và Nguyễn Hoàng Hải N – Sinh ngày: 05/02/2012 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Q là 2.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu N là 2.500.000đồng/tháng cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí: Chị Hoàng Thị N chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004108 ngày 25/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị N đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Văn Bàn (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Văn Bàn;
- Lưu HS, TQĐ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Liên